TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 7 - 2025
"V/v xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Anh Minh
Bà Vũ Thị Mỹ Linh
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.
Ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc "xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Hồ Bé N. Sinh năm: 1998 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau).
-*Bị đơn*: Anh Võ Dương K, sinh năm: 1992 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Bé N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là UBND phường A, tỉnh Cà Mau) vào ngày 02/8/2023, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114/2023. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, cách nuôi dạy con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh chị không còn chung sống từ tháng 4 năm 2025 đến nay, hiện tại cuộc sống ai nấy lo không ai quan tâm đến ai. Hiện nay cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh K nên xin ly hôn với anh K.
- *Về con chung:* Chị và anh K có một con chung tên Võ Thiên P, sinh ngày 26/12/2023. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh K nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị xác định không có.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Dương K trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là UBND phường A, tỉnh Cà Mau) vào ngày 02/8/2023, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114/2023. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con, chị N đã bỏ đi từ tháng 4 năm 2025 đến nay nên từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau, khi chị N đi chị N không có mang theo con, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nay chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- *Về con chung:* Anh và chị N có một con chung tên Võ Thiên P, sinh ngày 26/12/2023. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Bé N xin ly hôn với anh Võ Dương K được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại phường A, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là UBND phường A, tỉnh Cà Mau) vào ngày 02/8/2023 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, nhiều mâu thuẫn từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh K. Đối với anh K cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, có cự cãi và đồng ý ly hôn.

Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị được ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Anh K và chị N đều xác định quá trình chung sống anh chị có một con chung tên Võ Thiên P, sinh ngày 26/12/2023. Anh K có yêu cầu nuôi con, chị N đồng ý giao con chung cho anh K nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là

sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp nên chấp nhận giao con chung tên Võ Thiên P, sinh ngày 26/12/2023 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị N, anh K xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Bé N về việc xin ly hôn với anh Võ Dương K.

2/ Con chung: Giao con chung tên Võ Thiên P, sinh ngày 26/12/2023 cho anh Võ Dương K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/Tài sản chung, nợ chung: Anh K, chị N xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Bé N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/5/2025 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0010810 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cà Mau) được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ú